TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày: 12-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Thanh Uyển
Ông Dương Quốc Võ

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Tuấn Sĩ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc: " tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Thị R, sinh năm: 1971 (có mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn*: Ông Lâm Quang S, sinh năm: 1970 (vắng mặt)
Bà Trần Thị Bé C, sinh năm 1969 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị R trình bày: Bà bán phân bón, thuốc trừ sâu tại ấp C, xã T. Năm 2010 -2011 ông Lâm Quang S, bà Trần Thị Bé C có mua thuốc trừ sâu, phân bón tại cửa hàng của bà, đến ngày 15/3/2011 tổng kết lại ông S, bà C thiếu lại số tiền 12.823.000đồng. Sau đó ngày 12/4/2016 bà C có trả được 1.000.000 đồng, còn thiếu lại 11.823.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Quang S, bà Trần Thị Bé C phải trả cho bà số tiền 11.823.000đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất 7%/năm từ ngày 12/4/2016 đến ngày 03/4/2018 là 1.610.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2018 và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Bé C khai: Bà có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ở cửa hàng của bà Đổ Thị R, thời gian khoảng năm 2010-2011, khi mua bà R có lập 2 quyển sổ nhỏ ghi ngày tháng mua phân bón, số tiền trả, số tiền thiếu, mỗi vụ bà mua phân, thuốc đều ghi 2 quyển sổ này do bà và bà R mỗi bên giử 1 quyển. Mua bán được vài năm, số tiền bà thiếu bà R khoảng 11.700.000 đồng, do trồng màu bị thua lỗ nên bà không có tiền trả cho bà R thì bà R ngưng không bán cho bà nữa, lúc đó đang giữa vụ trồng màu, bà phải đi mua phân, thuốc ở cửa hàng khác và phải trả tiền cho họ, không có trả cho bà R. Phần tiền thiếu bà R bà có trả dần khi 500.000 đồng, khi 1.000.000 đồng, tổng cộng trả được 7.000.000 đồng, nay chỉ còn thiếu lại là 4.700.000đồng. Việc mua bán mặc dù do bà trực tiếp giao dịch với bà R, nhưng ông Lâm Quang S, chồng bà biết việc này, đồng thời vật tư nông nghiệp mua về để phục vụ cho nhu cầu sản xuất của gia đình. Các lần Tòa án mời làm việc bà đều có thông báo lại cho ông S nhưng ông S bận đi làm từ sáng sớm đến chiều tối mới về không tham gia giải quyết vụ án được.

Ông Lâm Quang S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của vị kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải:

Về tố tụng: Về trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng theo quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn kiện, thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt hợp lệ, đầy đủ và tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Bé C, ông Lâm Quang S có nghĩa vụ trả cho bà Đổ Thị R số tiền 10.700.000 đồng, và tiền lãi theo lãi suất 7%/năm; buộc các đương sự chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đổ Thị R khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Bé C, ông Lâm Quang S trả số tiền thiếu từ việc mua bán phân bón, thuốc trừ sâu, đây là quan hệ tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bà Trần Thị Bé C, ông Lâm Quang S có nơi cư trú tại thị xã D, tỉnh Trà Vinh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Lâm Quang S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Việc mua bán giữa bà R, bà C, ông S được thực hiện vào năm 2010-2011, đây là giao dịch dân sự xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[4] Thời gian năm 2010-2011 bà Trần Thị Bé C có mua thuốc trừ sâu, phân bón tại cửa hàng của bà Đỗ Thị R, đây là sự việc có thật được các đương sự thừa nhận.

[5] Theo các giấy tờ mua bán do bà R cung cấp xác định từ ngày 15/3/2010 đến ngày 13/3/2011, bà C nhiều lần mua phân bón, thuốc trừ sâu tại cửa hàng của bà R, đến ngày 15/3/2011 tổng kết lại bà C còn thiếu tiền của bà R là 12.823.000 đồng. Tuy nhiên toàn bộ sổ sách là do bà R ghi chép không có ký nhận số tiền của bà C, bà R không chứng minh được bà C còn thiếu lại bà số tiền 12.823.000 đồng, do đó chỉ chấp nhận ý kiến của bà C thiếu lại bà R số tiền 11.700.000 đồng.

Tại Điều 428 Bộ luật dân sự 2005 quy định: "Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán". Bà R đã thực hiện xong nghĩa vụ bên bán là giao tài sản cho bà C. Bà C có nghĩa vụ phải trả số tiền còn thiếu cho bà R. Mặc dù bà C cho rằng bà có trả dần cho bà R, mỗi lần từ 500.00đồng đến 1.000.000 đồng, lần sau cùng bà trả cho bà R là sau đám cưới con của bà C, bà đã trả được 1.000.000 đồng, tổng cộng trả được 7.000.000 đồng, chỉ còn thiếu lại 4.700.000 đồng, tuy nhiên bà C không chứng minh được việc có trả số tiền này cho bà R, đồng thời bà R không thừa nhận việc bà C có trả tiền cho bà tổng cộng 7.000.000 đồng, bà R chỉ chấp nhận sau đám cưới con bà C, bà C có trả cho bà 1.000.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 quy định: " Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản", do bà C vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà R khởi kiện yêu cầu bà C là có cơ sở. Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền là 10.700.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 quy định: "Bên mua phải trả lãi, kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Do bà R yêu cầu ông S, bà C phải trả lãi theo lãi suất 7%/năm từ ngày 12/4/2016 đến ngày 03/4/2018. Xét yêu cầu tính lãi suất của bà R là thấp hơn mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định do đó chấp nhận yêu cầu của bà R, buộc bà C có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả cụ thể như sau: Từ ngày 12/4/2016 đến ngày 03/4/2018 là 1 năm 11 tháng 21 ngày x 10.700.000 đồng x 7%/năm = 1.482.000 đồng.

[7] Xét việc mua bán giữa bà R, bà C thấy rằng mặc dù ông S không trực tiếp tham gia việc mua bán với bà R nhưng bà C xác định việc mua bán vật tư nông nghiệp là để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của gia đình, ông S biết việc bà C mua vật tư nông nghiệp thiếu tiền của bà R và đã được bà C thông báo cho biết việc Tòa án mời giải quyết tranh chấp với bà R nhưng ông vắng mặt, không tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ giao dịch dân sự giữa bà R, bà C đều nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 428 Bộ luật dân sự 2005, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R, buộc bà C và ông S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà R số tiền vốn 10.700.000 đồng, tiền lãi chậm trả 1.482.000 đồng, tổng cộng 12.182.000 đồng.

[6] Về án phí: ông Lâm Quang S, bà Trần Thị Bé C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có trách nhiệm trả. Bà Đỗ Thị R có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 428, 429, 431 và Điều 438 của Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị R.

Buộc ông Lâm Quang S, bà Trần Thị Bé C có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị R số tiền vốn 10.700.000 đồng, tiền lãi chậm trả 1.482.000 đồng, tổng cộng 12.182.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Quang S, bà Trần Thị Bé C phải chịu 609.000 đồng.

Bà Đỗ Thị R phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0017504, ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, bà R được nhận lại số tiền chênh lệch là 36.000 đồng.

Báo cho các đương sự có mặt tại Tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ái Loan